

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHÚ LƯƠNG  
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28-3-2022

V/v Kiện xin ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LƯƠNG, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Ngọc Linh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Ngọc Ngư.  
2. Bà Đặng Thị Đào.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Đức Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tham gia phiên tòa:**  
Ông Lương Dương Tùng Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về việc Kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022, giữa:

**- Nguyên đơn:** Chị Bàn Thị T, sinh năm 1992.

Trú tại: Xóm B, xã Y, huyện P, tỉnh T.

**- Bị đơn:** Anh Lý Văn N, sinh năm 1985.

Trú tại: Xóm B, xã Y, huyện P, tỉnh T.

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bàn Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lý Văn N năm 2010 chị kết hôn trên cơ sở tình nguyện, không tổ chức cưới hỏi nhưng có đăng ký kết hôn. Đã được đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xóm Ba Luồng – Khe Khoang, xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau 05 năm từ năm 2015 mâu thuẫn

xảy ra do không hòa hợp, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2019. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lý Tiến N, sinh ngày 10/12/2010 hiện đang ở với bố; Lý Thị Thúy V, sinh ngày 13/11/2013 hiện đang ở với mẹ.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

*Tại Bản tự khai ngày 27/10/2021 và biên bản ghi lời khai 09/02/2022, bị đơn là anh Lý Văn N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Bàn Thị T năm 2010, trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xóm Ba Luồng – Khe Khoang, xã Yên Ninh, huyện Phú Lương. Vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian đầu. Mâu thuẫn phát sinh khoảng năm 2017 nguyên nhân do không hợp nhau. Vì con cái anh vẫn muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lý Tiến N, sinh ngày 10/12/2010 hiện đang ở với bố; Lý Thị Thúy V, sinh ngày 13/11/2013 hiện đang ở với mẹ.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vào ngày 09/12/2021 và ngày 29/12/2021, nhưng anh N vắng mặt nên không tiến hành hoà giải được. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Phú Lương phải đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa công khai.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015; Căn cứ vào các Điều 51, 52 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn

Thị T xin ly hôn anh Lý Văn N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị T được ly hôn anh Lý Văn N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lý Tiến N, sinh ngày 10/12/2010 hiện đang ở với bố; Lý Thị Thúy V, sinh ngày 13/11/2013 hiện đang ở với mẹ.

Về tài sản chung: Không có. Nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị T chịu 300.000 đồng án phí và các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn anh Lý Văn N có nơi cư trú tại xóm Ba Luồng – Khe Khoang, xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

- Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Tại Biên bản ghi lời khai ngày 09/02/2022 và Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 09/02/2021 của anh Lý Văn N, anh N xác định do bận công việc nên anh không tham gia phiên tòa được, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Phú Lương xét xử vắng mặt anh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Phú Lương đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị T và anh Lý Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân được 05 năm, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T và chị T được ly hôn với anh N là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng chị T, anh N có 02 con chung là Lý Tiến N, sinh ngày 10/12/2010 hiện đang ở với anh N; Lý Thị Thúy V, sinh ngày 13/11/2013 hiện đang ở với chị T. Anh N yêu cầu trực tiếp nuôi con Lý Tiến Nam,

chị T yêu cầu trực tiếp nuôi con Lý Thị Thúy V. Yêu cầu của chị T, anh N phù hợp với nguyện vọng của hai con và quyền lợi về mọi mặt của con, nên cần được chấp nhận. Chị T, anh N đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự xác định không có tài sản chung, không cầu tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lương là có căn cứ chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 52 và Điều 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### ***Tuyên xử:***

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị T xin ly hôn anh Lý Văn N, cho chị T được ly hôn anh N.

2. Về con chung: Giao con Lý Tiến N, sinh ngày 10/12/2010 cho anh Lý Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Giao con Lý Thị Thúy V, sinh ngày 13/01/2013 cho chị Bàn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T, anh N do hai bên không có yêu cầu. Chị T, anh N có quyền đi lại thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Bàn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp biên lai thu số 0003265 ngày 20/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lương.

6. Quyền kháng cáo: Thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với bị đơn./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Phú Lương;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Lương;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Yên Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VP, TK, TP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Ngọc Linh**